

Đoan Nam Vương (Trịnh Khải, 1782-1786)

Lính Tam phủ nổi loạn lật đổ Trịnh Cán đưa Trịnh Khải lên ngôi chúa, tiến phong là Đoan nam vương.

Tháng 6 năm Bính Ngọ - 1786, đang lúc phủ chúa rối ren, khốn khổ vì nạn kiêu binh hoành hành khắp kinh kỳ, dân chúng ngày đêm nơm nớp lo sợ thì nghĩa quân Tây Sơn của Nguyễn Huệ với danh nghĩa "phù Lê diệt Trịnh" kéo ra Bắc Hà.

Quân Trịnh chống cự yếu ớt, mau chóng tan rã, bỏ chạy.

Tướng Hoàng Phùng Cơ, Nguyễn Lệ rút chạy lên phía Bắc, Trịnh Khải mặc nhung phục, cưỡi voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, nhưng quân sĩ đã bỏ chạy hết.

Trịnh Khải phải một mình bỏ chạy lên Sơn Tây.

Trịnh Khải bị Nguyễn Trang bắt giải về nộp cho quân Tây Sơn, trên đường giải về Trịnh Khải dùng dao tự tử.

Trịnh Khải làm chúa chưa được 4 năm thì chết, lúc đó mới 24 tuổi. 12. án đô vương (Trịnh Bồng, 1787-1788)

Trịnh Bồng là con Trịnh Giang, bác ruột của Trịnh Khải. Trịnh Bồng đã được phong là Côn quận công. Khi Trịnh Khải bỏ trốn lên Sơn Tây, Trịnh Bồng lánh nạn ở huyện Văn Giang (Hưng Yên).

Khi Nguyễn Huệ và vua Thái Đức Nguyễn Nhạc rút về Nam Hà, Trịnh Bồng đã về yết kiến vua Lê, được vua Lê phong cho làm Nguyên soái, Tổng quốc chính, án đô vương.

Trịnh Bồng nhu nhược, lười biếng, không điều khiển công việc, do đó chính sự lại vào tay Đinh Tích Nhưỡng, chúng lấn át vua Lê, từ đó vua và chúa lại càng mâu thuẫn. Vua Lê đã vời Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An đem quân về giúp.

Trịnh Bồng trốn chạy về xã Dương Xá rồi Quế Võ (Bắc Ninh). Trịnh Bồng đi Hải Dương - Quảng Yên và Thái Bình mộ quân lương mưu đánh lại Nguyễn Hữu Chỉnh, nhưng đánh mấy trận đều thất bại.

Năm 1788, Trịnh Bồng sau nhiều lần thất bại, đã bỏ đi tu ở vùng Lạng Sơn,

Cao Bằng.

Như vậy, họ Trịnh từ Thái vương Trịnh Kiểm nắm quyền đến án đô vương Trịnh Bồng (1545-1788) trải qua 12 đời chúa với 243 năm trị vì. Trường Chinh (tên thật: Đặng Xuân Khu; 1907 - 88)

Trường Chinh (tên thật: Đặng Xuân Khu; 1907 - 88), nhà hoạt động xuất sắc của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam, nhà lí luận, nhà báo lớn Việt Nam. Quê: làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Học Trường Cao đẳng Thương mại Hà Nội. Tham gia đấu tranh đòi thực dân Pháp ân xá Phan Bội Châu (1925), lãnh đạo bãi khoá truy điệu Phan Châu Trinh (1926). Gia nhập Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên (1927). Vận động thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng (1929), uỷ viên Ban Tuyên truyền Cổ động Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (1930). Bị thực dân Pháp bắt, kết án 12 năm tù cầm cố, đày đi Sơn La (1930). Được trả tự do, về hoạt động hợp pháp và nửa hợp pháp ở Hà Nội (1936 - 39). Uỷ viên Xứ uỷ Bắc Kỳ, phụ trách tuyên truyền, báo chí, chủ bút báo "Giải phóng" (1940). Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bí thư lâm thời của Đảng (11.1940). Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương (5.1941), trưởng ban Tuyên huấn, chủ bút báo "Cờ giải phóng" và "Tạp chí cộng sản". Năm 1943, bị thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt. Chủ trì Hội nghị thường vụ Trung ương (mở rộng), ra Chỉ thị "Nhật

Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" (3.1945). Dự Hội nghị toàn quốc của Đảng ở Tân Trào, phụ trách Ủy ban Khởi nghĩa Toàn quốc. Ủy viên Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam (8.1945). Ủy viên Bộ Chính trị các khoá II - V. Tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2.1951 - 10.1956 và 7.1986 - 12.1986). Phó thủ tướng Chính phủ kiêm chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước (1958). Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội (1960 - 81). Giám đốc Trường Nguyễn Ái Quốc (1961 - 66). Trưởng ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng, trưởng ban Lí luận của Trung ương, chủ tịch Ủy ban Dự thảo Hiến pháp của Quốc hội (1976). Chủ tịch Hội đồng Nhà nước và Hội đồng Quốc phòng nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1981 - 87). Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, phó trưởng ban Soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược Kinh tế kiêm trưởng ban Soạn thảo Cương lĩnh của Đảng (12.1986 - 8.1988). Đại biểu Quốc hội các khoá II - VII.

Các tác phẩm chủ yếu: "Đề cương văn hoá Việt Nam", "Cách mạng tháng Tám", "Kháng chiến nhất định thắng lợi", "Chủ nghĩa Mác và văn hoá Việt Nam", "Bàn về cách mạng Việt Nam", "Thực hiện cải cách ruộng đất", "Phương châm chiến lược của Đảng ta", "Nắm vững mối quan hệ giữa chiến tranh và cách mạng ở Việt Nam để hoàn thành sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước", "Cách mạng dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa", vv. Huân chương Sao vàng và nhiều huân chương cao quý khác.

Cuộc đời hoạt động của Trường Chinh gắn liền với quá trình cách mạng Việt Nam từ những năm 20 đến những năm 80 thế kỉ 20. Trường Chinh là một trong những người lãnh đạo xuất sắc, mẫu mực, góp phần rất quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng, đưa cách mạng đến thắng lợi.

TaiLieu.vn